HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 69 /2023/NQ-HĐND	*Lai Châu, ngày 08 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Quy định chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 tháng 2015;

Căn cứ Luật Dân quân Tự vệ ngày 22 tháng 11 tháng 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 về Bảo vệ dân phố; số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã; số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thú y; số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 quy định chi tiết một số Điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ;

Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;

Xét Tờ trình số 4454/TTr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 630/BC-HĐND ngày 28

tháng 11 năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chức danh, mức phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố, khu, khu phố *(tổ dân phố, khu, khu phố sau đây gọi chung là tổ dân phố)*; khoán kinh phí hoạt động cho các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã và mức hỗ trợ hằng tháng, phụ cấp kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố;

b) Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố;

c) Đảng ủy, Ủy ban nhân dân cấp xã;

d) Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

Điều 2. Chức danh, mức phụ cấp, việc kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố

1. Chức danh, mức phụ cấp hằng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

Stt	Chức danh	Mức phụ cấp *(Số lần mức lương cơ sở)*		
		Cấp xã loại 1	Cấp xã loại 2	Cấp xã loại 3
1	Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự	1,7	1,6	1,4
2	Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	1,2	1,1	1,0
3	Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	1,2	1,1	1,0
4	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	1,2	1,1	1,0
5	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	1,2	1,1	1,0
6	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1,2	1,1	1,0
7	Chủ tịch Hội Người cao tuổi	1,2	1,1	1,0

Stt	Chức danh	Mức phụ cấp (Số lần mức lương cơ sở)		
		Cấp xã loại 1	Cấp xã loại 2	Cấp xã loại 3
8	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	1,2	1,1	1,0
9	Nhân viên thú y	1,2	1,1	1,0
10	Phụ trách Đài truyền thanh - Quản lý nhà văn hóa	1,2	1,1	1,0
11	Văn phòng Đảng ủy	1,2	1,1	1,0
12	Trưởng Ban Bảo vệ dân phố (ở phường, thị trấn)	1,2	1,1	1,0
13	Phó Trưởng Ban bảo vệ dân phố (ở phường, thị trấn)	1,1	1,0	0,9

2. Chức danh, mức phụ cấp hằng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố

Stt	Chức danh	Mức phụ cấp (Số lần mức lương cơ sở)	
		Thôn, bản có từ 350 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, bản thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, bản thuộc xã biên giới	Thôn, bản, tổ dân phố còn lại
1	Bí thư chi bộ	1,7	1,3
2	Trưởng thôn, bản, Tổ trưởng tổ dân phố	1,7	1,3
3	Trưởng Ban công tác Mặt trận	1,4	1,0

3. Việc kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố

a) Cán bộ, công chức cấp xã được kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố. Mức phụ cấp kiêm nhiệm thực hiện theo khoản 2 Điều 20 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố được kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách khác ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố. Mức phụ cấp kiêm nhiệm thực hiện theo

khoản 4 Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.

c) Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, các xã, phường, thị trấn bố trí và thực hiện kiêm nhiệm các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn bản, tổ dân phố cho phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn nhưng một người kiêm nhiệm không quá 02 chức danh, đảm bảo tất cả các công việc ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố đều có người đảm nhiệm và thuận lợi cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện chức năng, nhiệm vụ của địa phương.

d) Trường hợp kiêm nhiệm 02 chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất.

Điều 3. Chức danh, mức hỗ trợ, việc kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố

1. Chức danh và mức hỗ trợ hằng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố (mỗi chức danh được bố trí 01 người/thôn, bản, tổ dân phố)

Stt	Chức danh	**Mức hỗ trợ** *(Số lần mức lương cơ sở)*
1	Công an viên (ở thôn, bản thuộc xã)	0,5
2	Tổ trưởng Bảo vệ dân phố (ở thôn, bản, tổ dân phố thuộc phường, thị trấn)	0,4
3	Tổ Phó bảo vệ dân phố (ở thôn, bản, tổ dân phố thuộc phường, thị trấn)	0,3
4	Tổ viên bảo vệ dân phố (ở thôn, bản, tổ dân phố thuộc phường, thị trấn)	0,2
5	Thôn đội trưởng	0,5
6	Nhân viên y tế (ở thôn, bản)	0,5
7	Phó Bí thư Chi bộ (thôn, bản, tổ dân phố)	0,2
8	Phó Trưởng thôn, bản (hoặc Phó Tổ trưởng tổ dân phố)	0,2
9	Chi hội trưởng Chi hội Liên hiệp Phụ nữ	0,2
10	Chi hội trưởng Chi hội Nông dân	0,2
11	Chi hội trưởng Chi hội Cựu Chiến binh	0,2
12	Bí thư chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh	0,2

2. Việc kiêm nhiệm chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố

a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố được kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố. Mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức hỗ trợ hằng tháng của chức danh kiêm nhiệm.

b) Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, các xã, phường, thị trấn bố trí kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, bản, tổ dân phố cho phù hợp với tình hình thực tiễn nhưng một người kiêm nhiệm không quá 02 chức danh, đảm bảo tất cả các công việc ở thôn, bản, tổ dân phố đều có người đảm nhiệm và thuận lợi cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện chức năng, nhiệm vụ của địa phương.

c) Trường hợp kiêm nhiệm 02 chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất.

Điều 4. Mức khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã

1. Khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã (bao gồm: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh): 25 triệu đồng/năm.

2. Căn cứ vào nhiệm vụ thực tế và nguồn kinh phí được khoán tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 5. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí do ngân sách trung ương và địa phương đảm bảo theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

Điều 6. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chức danh, số lượng, mức phụ cấp, chế độ chính

sách đối với người hoạt động không chuyên trách và các chức danh khác ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh hết hiệu lực từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV, kỳ họp thứ mười chín thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản Quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Giàng Páo Mỷ